

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2012	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 16



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch
Ông Phan Vũ Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chính	Phó Chủ tịch
Ông Hà Đức Cường	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phan Thị Minh Huyền	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Quang Tý	Q. Tổng Giám đốc
Ông Phan Vũ Tuấn	Giám Đốc điều hành

3. Các hoạt động chính

- Lưu ký chứng khoán;
- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012 được trình bày từ trang 4 đến trang 16.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

909
NG
HIỆM
M T
DFI
T I
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

Hội đồng Quản trị phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Vũ Tuấn

P. Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 05 tháng 8 năm 2012

Số: 054/BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012, từ trang 04 đến trang 16 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



HỒ ĐẶC HIẾU
Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV Số: 0458/KTV
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2012



TRƯƠNG THỊ CÁT TRÂM
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV Số: 1764/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. Tài sản ngắn hạn	100		51.168.762.581	24.032.650.070
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	15.805.192.434	5.857.611.004
1. Tiền	111		15.805.192.434	857.611.004
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.03	14.279.598.824	10.985.651.563
1. Trả trước cho người bán	132		55.000.000	87.115.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		7.516.049	977.570
3. Các khoản phải thu khác	138		14.217.082.775	10.897.558.993
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	21.083.971.323	7.189.387.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		223.999.556	17.917.245
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.264.455	49.793.546
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.793.707.312	7.121.676.712
B. Tài sản dài hạn	200		4.698.253.670	6.520.133.581
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.840.516.169	3.402.920.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.478.346.816	1.718.944.204
- Nguyên giá	222		2.566.599.058	2.534.886.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.088.252.242)	(815.941.854)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.362.169.353	1.683.976.251
- Nguyên giá	228		2.440.906.305	2.440.906.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.078.736.952)	(756.930.054)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	350.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	350.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.07	1.857.737.501	2.767.213.126
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.374.213.871	2.286.233.791
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		139.791.630	137.247.335
3. Tài sản dài hạn khác	268		343.732.000	343.732.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.867.016.251	30.552.783.651



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. Nợ phải trả	300		18.434.921.297	9.955.491.214
I. Nợ ngắn hạn	310	V.08	18.434.921.297	9.955.491.214
1. Phải trả người bán	312		143.542.500	706.492.500
2. Người mua trả tiền trước	313		289.800.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		37.259.007	177.536.778
4. Phải trả người lao động	315		8.801.800	383.996.800
5. Chi phí phải trả	316		638.418.747	409.158.473
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		7.338.532.106	1.148.486.748
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		7.000	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		9.978.560.137	7.129.819.915
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.09	37.432.094.954	20.597.292.437
I. Vốn chủ sở hữu	410		37.432.094.954	20.597.292.437
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.000.000.000	36.000.000.000
2. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(18.567.905.046)	(15.402.707.563)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.867.016.251	30.552.783.651

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012	01/01/2012
6. Chứng khoán các loại	43.082.550.000	20.868.730.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	38.581.170.000	20.099.130.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	38.581.170.000	20.099.130.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	4.352.400.000	516.500.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	4.352.400.000	516.500.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	148.980.000	253.100.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	148.980.000	253.100.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Phạm Chi Phương Linh

K. Kế toán trưởng



Dương Quang Quý

Q. Tổng Giám Đốc

TP. HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền
1. Doanh thu	01	VI.10	27.747.860.558
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		441.343.654
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.623.986.363
- Doanh thu khác	01.9		25.682.530.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		27.747.860.558
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.11	27.386.873.972
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		360.986.586
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.12	2.788.439.556
7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.427.452.970)
8. Thu nhập khác	31		-
9. Chi phí khác	32	VI.13	737.744.513
10. Lỗ khác	40		(737.744.513)
11. Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(3.165.197.483)
12. chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-
13. chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-
14. Lỗ sau thuế TNDN	60		(3.165.197.483)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.



Phạm Chi Phương Linh
Kế toán trưởng

Người lập biểu



Dặng Quang Quý

Tổng Giám Đốc

TP. HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2012

908
NG
HIỆM
M T
DFI
T I
TP
27
NG
PH
G K
I AU
H C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số tiền
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	(3.165.197.483)
Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	594.117.286
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	(2.571.080.197)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(920.931.865)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	8.479.430.083
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	705.937.609
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(16.064.061.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.370.705.570)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng CB	21	(31.713.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	350.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	318.287.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.947.581.430
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.857.611.004
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.805.192.434

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.



Người lập biểu

Phạm Thị Phương Linh
Kế toán trưởng



Dặng Quang Tỷ

K. Tổng Giám Đốc
TP. HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty CP được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP ngày 08/4/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 98/GPĐC-UBCK ngày 06/7/2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo đó:

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 56.000.000.000 đồng

Vốn pháp định của Công ty là: 35.000.000.000 đồng

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: ASIA SECURITIES CORPORATION; tên viết tắt là ASC

Trụ sở chính đặt tại: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

3 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lưu ký chứng khoán
- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2012: 38 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư hướng dẫn số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính áp dụng cho các Công ty Chứng khoán, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010; Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Máy móc thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4 năm
Phần mềm vi tính	3 - 4 năm
Phần mềm hệ thống giao dịch	4 năm

6. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

7. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi hợp đồng tư vấn được hoàn thành.

Doanh thu khác

Doanh thu từ tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay vốn, doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán, doanh thu hợp tác đầu tư, ...

13. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2012	01/01/2012
Tiền mặt	9.201.330.651	206.691.160
Tiền gửi ngân hàng	4.591.577.544	415.779.324
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.012.284.239	235.140.520
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	15.805.192.434	5.857.611.004

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

2. Giá trị khối lượng thực hiện giao dịch trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ		Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ	
	Mua	Bán	Mua	Bán
a) Của Công ty chứng khoán	-	-	-	-
- Cổ phiếu	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-
b) Của nhà đầu tư	14.335.791	12.480.051	144.584.903.600	114.727.139.600
- Cổ phiếu	14.335.791	12.480.051	144.584.903.600	114.727.139.600
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-
Tổng cộng	14.335.791	12.480.051	144.584.903.600	114.727.139.600

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7.516.049	977.570
Trả trước cho người bán	55.000.000	87.115.000
Phải thu khác (*)	14.217.082.775	10.897.558.993
Cộng	14.279.598.824	10.985.651.563
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	14.279.598.824	10.985.651.563

(*) Bao gồm:

Khoản cho mượn vốn đến các cá nhân, không lãi suất	1.030.000.000
Phải thu Văn phòng Công chứng liên quan đến khoản chi hộ	546.186.000
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước tiền bán chứng khoán	12.608.837.775
Phải thu khác	32.059.000
Cộng	14.217.082.775

4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	223.999.556	17.917.245
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	66.264.455	49.793.546
Tạm ứng	3.793.707.312	1.401.676.712
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	17.000.000.000	5.720.000.000
Cộng	21.083.971.323	7.189.387.503

(*) Chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm, phí thành viên, phí sử dụng thiết bị đầu cuối, phí kết nối,....

(**) Số dư cuối kỳ là khoản ký quỹ mua bất động sản làm trụ sở văn phòng tại Công ty CP Hoàn Lộc Việt theo hợp đồng ký quỹ số 124/HĐ ASC.HLV/2012 ngày 20/6/2012, với thời hạn ký quỹ là 2 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư đầu kỳ	1.024.288.424	755.094.200	755.503.434	2.534.886.058
Mua mới	-	-	31.713.000	31.713.000
Số dư cuối kỳ	1.024.288.424	755.094.200	787.216.434	2.566.599.058
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	361.397.602	173.042.430	281.501.822	815.941.854
Tăng	128.036.178	47.193.390	97.080.820	272.310.388
Số dư cuối kỳ	489.433.780	220.235.820	378.582.642	1.088.252.242
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	662.890.822	582.051.770	474.001.612	1.718.944.204
Số dư cuối kỳ	534.854.644	534.858.380	408.633.792	1.478.346.816

Tài sản cố định tăng trong kỳ là do mua mới.

6. Tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính và phần mềm hệ thống giao dịch)

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá	2.440.906.305	-	-	2.440.906.305
Hao mòn lũy kế	756.930.054	321.806.898	-	1.078.736.952
Giá trị còn lại	1.683.976.251			1.362.169.353

7. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	(7.1) 1.374.213.871	2.286.233.791
Chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	(7.2) 139.791.630	137.247.335
Tài sản dài hạn khác	(7.3) 343.732.000	343.732.000
Cộng	1.857.737.501	2.767.213.126

(7.1) Bao gồm:

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	383.331.493
Chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ	269.929.379
Chi phí thành lập chờ phân bổ	720.953.000
Cộng	1.374.213.871

(7.2) Bao gồm:

Quỹ hỗ trợ thanh toán đầu kỳ	137.247.335
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.544.295
Cộng	139.791.630

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

(7.3) Bao gồm:		30/6/2012		
Khoản ký quỹ sử dụng thẻ taxi Mai Linh.		10.000.000		
Khoản đặt cọc tiền thuê Văn phòng tại tòa nhà Master Building, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, TP HCM.		333.732.000		
Cộng		343.732.000		
8. Nợ ngắn hạn		30/6/2012	01/01/2012	
Phải trả cho người bán		143.542.500	706.492.500	
Người mua trả tiền trước		289.800.000	-	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuế thu nhập cá nhân)		37.259.007	177.536.778	
Phải trả công nhân viên		8.801.800	383.996.800	
Chi phí phải trả (Chi phí điện, internet, hoa hồng môi giới,...)		638.418.747	409.158.473	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(8.1)	7.338.532.106	1.148.486.748	
Phải trả gốc và lãi trái phiếu		7.000	-	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(8.2)	9.978.560.137	7.129.819.915	
Cộng		18.434.921.297	9.955.491.214	
(8.1) Bao gồm:		30/6/2012	01/01/2012	
Phải trả giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư		5.908.167.946	477.750.322	
Phải trả tiền giao dịch thanh toán bù trừ sau ngày T+3		1.404.600.000	667.643.000	
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán		25.764.160	3.093.426	
Cộng		7.338.532.106	1.148.486.748	
(8.2) Bao gồm:		30/6/2012	01/01/2012	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		21.334.887	589.819.915	
Phải trả khác	(*)	9.957.225.250	6.540.000.000	
Cộng		9.978.560.137	7.129.819.915	
(*) Bao gồm:				
Phải trả liên quan đến hợp đồng môi giới, tư vấn và hợp tác kinh doanh		9.500.000.000	6.500.000.000	
Phải trả nhân viên liên quan đến khoản bảo hiểm bắt buộc không phải nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội		428.656.250	-	
Phải trả khác		28.569.000	40.000.000	
Cộng		9.957.225.250	6.540.000.000	
9. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
	01/01/2012	Tăng	Giảm	30/6/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36.000.000.000	20.000.000.000	-	56.000.000.000
Lỗ chưa phân phối	(15.402.707.563)	(3.165.197.483)	-	(18.567.905.046)
Cộng	20.597.292.437	16.834.802.517	-	37.432.094.954

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Chi tiết vốn đầu tư CSH	Theo giấy phép thành lập		Vốn góp thực tế tại ngày 30/6/2012		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số lượng cp	Giá trị
Cổ đông sáng lập					
Công ty TNHH Dịch vụ					
Kinh doanh Giải Pháp	900.000	25,00%	21,86%	1.224.000	12.240.000.000
Bà Đỗ Thị Bích Huệ	180.000	5,00%	3,21%	180.000	1.800.000.000
Ông Đỗ Hoàng Chương	720.000	20,00%		-	-
Và các cổ đông khác	1.800.000	50,00%		-	-
Ông Phan Minh Hoàn			65,29%	3.656.000	36.560.000.000
Ông Phan Vũ Tuấn			3,21%	180.000	1.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hường			6,43%	360.000	3.600.000.000
Cộng	3.600.000	100%	100%	5.600.000	56.000.000.000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

10. Doanh thu

Trong đó:

	Kỳ này
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	441.343.654
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.623.986.363
Doanh thu khác	(*) 25.682.530.541
Cộng	27.747.860.558

(*) Bao gồm:

Doanh thu hợp tác đầu tư chứng khoán có tài sản đảm bảo	25.176.326.668
Doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, margin	408.268.553
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá,...	97.935.320
Cộng	25.682.530.541

11. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Kỳ này
Chi phí lương nhân viên	1.391.687.504
Chi phí hoạt động môi giới	216.998.628
Chi phí hoạt động tư vấn	1.360.345.454
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	14.596.158
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	397.162.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.340.697
Chi phí bù đắp cơ hội do không thực hiện hợp đồng	22.554.666.667
Chi phí môi giới liên quan đến việc hợp tác đầu tư	803.889.000
Chi phí khác	272.187.774
Cộng	27.386.873.972

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

12. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này
Chi phí nhân viên quản lý	974.812.860
Chi phí vật liệu quản lý	70.173.768
Chi phí dụng cụ văn phòng	90.048.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	202.884.142
Thuế, phí và lệ phí	7.111.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.244.464.996
Chi phí bằng tiền khác	198.944.296
Cộng	2.788.439.556

13. Chi phí khác	Kỳ này
Chi phí thành lập doanh nghiệp phân bổ trong kỳ	720.952.000
Chi phí khác	16.792.513
Cộng	737.744.513

VII. Thông tin khác

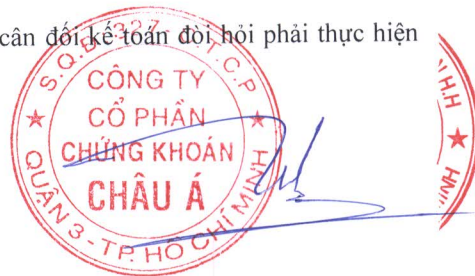
1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



Người lập biểu

Phạm Chi Phương Linh
K. Kế toán trưởng



Dặng Quang Quý
Q. Tổng Giám Đốc
TP. HCM, ngày 05 tháng 8 năm 2012